

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-4-2023

V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Bảo Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng

2. Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 305/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/2/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 305/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mai P**, sinh năm: 1977. *(Có mặt)*

- Bị đơn: Ông **Nguyễn T**, sinh năm: 1976. *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Số nhà A đường B, phường C, quận D, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Mai P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mai P kết hôn với ông Nguyễn T vào năm 1998 có đăng ký kết hôn tại UBND phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tính và quan điểm sống của ông bà không hợp nhau, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng. Nay bà P thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mai P xác định bà có 02 (hai) con chung là: Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày: 13/10/2000 và Nguyễn T2, sinh ngày: 25/01/2004. Hai con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mai P xác định không có.

Trong thời gian Tòa án đang giải quyết yêu cầu của bà P, ông Nguyễn T thường xuyên tới chỗ làm của bà P để đánh đập và phá hoại tài sản. Vào lúc 18 giờ 00 phút 29/01/2023 ông T đã đến số 98 đường Ngô Văn Sở, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu đã đập phá tài sản trong quán, đánh bà P 03 lần vào đầu, xô đầu vào tường gây cho bà P choáng váng. Vụ việc này bà P đã trình báo lên Công an Hòa Khánh Bắc giải quyết.

** Tòa án đã nhiều lần gọi văn bản và triệu tập ông T nhưng ông T không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như không có mặt theo giấy triệu tập. Vì vậy ông T không có lời khai trong hồ sơ vụ án.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Việc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vẫn vắng mặt lần hai đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho bà Nguyễn Thị Mai P được ly hôn với

ông Nguyễn T. Hai con chung Nguyễn Thị Minh T1 và Nguyễn T2 đã trưởng thành nên không đề cập đến. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết. Án phí HNGĐ-ST bà Nguyễn Thị Mai P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về thủ tục tố tụng:**

[1] Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là ông Nguyễn T có địa chỉ cư trú tại Số nhà A đường B, phường C, quận D, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn ông Nguyễn T nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

***Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mai P và ông Nguyễn T đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 12 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn với ông Nguyễn T. Bà P cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, cách suy nghĩ nên ông bà thường xuyên cãi vã dẫn đến ông T có chửi bới, đánh đập bà, cuộc sống không hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người mỗi nơi.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu của đương sự thì thấy: Mỗi quan hệ hôn nhân chỉ thực sự tồn tại khi cả hai vợ chồng cùng yêu thương, cùng nhau xây đắp gia đình, cùng nhau có trách nhiệm, chăm sóc cũng như tạo mọi điều kiện cho nhau trong cuộc sống. Trong quá trình chung sống, bà P và ông T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm cần thiết. Mặc dù kết quả xác minh tại địa P không xác định được ông bà có mâu thuẫn hay không, tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện để vợ chồng ông bà trở về đoàn tụ, nhưng ông T đều vắng mặt, điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, trong cuộc sống chung vợ chồng ông T đã có hành vi vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Mai P đối với Nguyễn T.

[2] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Mai P xác định bà và ông T có 02 (hai) con chung là: Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày: 13/10/2000 và Nguyễn T2, sinh ngày: 25/01/2004. Hai con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Mai P xác định tài sản chung và nợ chung bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp đương sự có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác .

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai P đối với ông Nguyễn T về việc "Ly hôn".

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mai P được ly hôn với ông Nguyễn T.

- Về con chung: Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày: 13/10/2000 và Nguyễn T2, sinh ngày: 25/01/2004. Hai con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mai P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Trường hợp đương sự có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác .

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị Mai P phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số **0008524 ngày 01 tháng 11 năm 2022** tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường An Khê
(Giấy CNKH số 146, ngày 25/12/1998);

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Người tham gia tổ tụng;
- Lưu hồ sơ.

Lê Bảo Huyền Trân

